TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 19/10/2017.
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Nhuận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Bà Đàm Thị Thanh Loan.

2/. Ông Nguyễn Văn Lạc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Giang Tấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2017/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* chị Trần Thị Hải Y, sinh năm 1995 (có mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Nhà số 14, ấp HH, xã LĐ, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Huỳnh Ánh Tuyết – Văn Phòng Luật sư Huỳnh Ánh Tuyết, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Nhà số 72, đường Nguyễn Trung Trực, khóm 1, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

2- *Bị đơn:* anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1994 (vắng mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Nhà số 28, khóm ..., phường ..., thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* chị Trần Thị Thùy D, sinh năm 1992 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Nhà số 14, ấp HH, xã LĐ, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 02/6/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Hải Y trình bày:

Vào năm 2016, chị và anh Nguyễn Quốc T có tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã LĐ, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/6/2016. Chị và anh T có một con chung tên Trần Hải Đ, sinh ngày 04/4/2017, hiện chị đang nuôi dưỡng. Chị và anh T đã ly thân với nhau kể từ ngày 05/01/2017 đến nay, lý do là vì vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, thường hay cự cãi với nhau và anh T có quan hệ tình cảm với người khác, dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Quá trình chung sống chị và anh T có tài sản chung là một sợi dây chuyền trọng lượng 02 chỉ vàng 18K, hiện nay anh T đang cất giữ, về nợ chung chị và anh T có nợ chị Trần Thị Thùy D số tiền 10.000.000 đồng mượn vào ngày 16/12/2016. Chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T;

Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Hải Đ, sinh ngày 04/4/2017 và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Đ trưởng thành;

Về tài sản chung: Chị yêu cầu chia đôi tài sản chung là một sợi dây chuyền trọng lượng 02 chỉ vàng 18K;

Về nợ chung: Chị yêu cầu chia đôi khoản nợ chung là 10.000.000 đồng mượn của chị Trần Thị Thùy D, chị và anh T mỗi người trả 5.000.000 đồng;

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, chị xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về mức cấp dưỡng nuôi con chung là chỉ yêu cầu anh T cấp dưỡng mỗi tháng với số tiền 650.000 đồng.

Theo biên bản lấy lời khai của Tòa án lập ngày 08/9/2017, bị đơn anh Nguyễn Quốc T trình bày:

Anh thống nhất với lời trình của chị Trần Thị Hải Y về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung, nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị Y muốn anh về bên nhà cha mẹ chị Y sinh sống nhưng anh không đồng ý nên vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn, cự cãi với nhau và chị Y đã bỏ về nhà cha mẹ ruột. Anh và chị Y đã ly thân với nhau kể từ tháng 01 năm 2017 đến nay, việc chị Y khởi kiện xin ly hôn, anh đồng ý thuận tình ly hôn. Về con chung anh đồng ý giao con chung tên Trần Hải Đ, sinh ngày 04/4/2017 cho chị Y nuôi dưỡng, anh yêu cầu không cấp dưỡng nuôi con, vì cháu Đ mang họ chị Y, trường hợp chị Y không có khả năng nuôi con chung thì anh đồng ý nuôi và không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài

sản chung anh đồng ý chia đôi tài sản chung là một sợi dây chuyền trọng lượng 02 chỉ vàng 18K, giao trả cho chị Y 01 chỉ vàng 18K. Về nợ chung anh đồng ý chia đôi khoản nợ chung là 10.000.000 đồng mượn của chị Trần Thị Thùy D, anh và chị Y mỗi người trả 5.000.000 đồng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Không yêu cầu giải quyết.

Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 08/9/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Thùy D trình bày:

Vào ngày 15/12/2016, chị có cho chị Trần Thị Hải Y và anh Nguyễn Quốc T mượn số tiền 10.000.000 đồng, để vợ chồng chị Y làm vốn kinh doanh cửa hàng quần áo. Hiện nay vợ chồng chị Y ly hôn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Y và anh T cùng có trách nhiệm hoàn trả cho chị số tiền mượn là 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày tranh luận:

Theo lời trình bày của anh T tại biên bản lấy lời khai của Tòa án đã thống nhất thuận tình ly hôn với chị Y đồng ý giao con chung là cháu Đ cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, về tài sản chung và nợ chung đồng ý theo yêu cầu của chị Y là phân chia mỗi người 01 chỉ vàng 18K và mỗi người có trách nhiệm trả nợ cho chị D 5.000.000 đồng. Về việc anh T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là không có cơ sở, vì đây là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái, với mức cấp dưỡng mỗi tháng 650.000 đồng theo yêu cầu của chị Y là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Hải Y.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hải Y và chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Trần Thị Thùy D, giải quyết: Chị Y được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T, giao con chung là cháu Đ cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng, về tài sản chung phân chia cho chị Y và anh T mỗi người được hưởng 01 chỉ vàng 18K, về nợ chung buộc chị Y và anh T mỗi người có trách nhiệm trả cho chị D 5.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa:

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện về mức cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 650.000 đồng/tháng. HĐXX nhận thấy việc nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sau đây viết tắt là BLTTDS), nên được chấp nhận;

Bị đơn anh Nguyễn Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Thùy D có đơn yêu xét xử vắng mặt. Vì vậy, HĐXX căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS quyết định xét xử vắng mặt anh T và chị D.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Hải Y và anh Nguyễn Quốc T đã tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã LĐ, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/6/2016, do vậy hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Trong đời sống vợ chồng anh, chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến hai người sống ly thân kể từ ngày 05/01/2017 đến nay. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị Y khởi kiện xin ly hôn. Tòa án đã tiến hành động viên, hòa giải các bên khắc phục mâu thuẫn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, nhưng anh Nguyễn Quốc T không hợp tác, về phía chị Trần Thị Hải Y vẫn cương quyết giữ nguyên quyết định xin ly hôn, qua lời trình bày của anh T tại biên bản lấy lời khai của Tòa án lập ngày 08/9/2017 anh đồng ý ly hôn với chị Y. HĐXX nhận thấy, tình cảm vợ chồng của chị Y và anh T đã không còn, mâu thuẫn giữa các bên không thể khắc phục, cuộc sống của anh, chị đã không mang lại hạnh phúc. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị Y về việc xin ly hôn với anh T để tạo điều kiện cho mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng.

[3]. Về quan hệ nuôi con chung:

Trong quá trình chung sống chị Y với anh T có một con chung là cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 04/4/2017, cháu Đ hiện nay đang sống chung với mẹ, chị Y yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng. Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án ngày 08/9/2017, anh T cũng đồng ý giao cháu Đ cho chị Y nuôi dưỡng nhưng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. HĐXX nhận thấy, cháu Đ hiện nay chỉ khoảng 06 tháng tuổi, rất cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ, phía anh T cũng đồng ý giao con chung cho chị Y nuôi dưỡng, vì vậy HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quyết định giao cháu Đ cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 (mười tám) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh T không ai được phép ngăn cản anh T thực hiện hợp pháp quyền này. Việc anh T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung với lý do cháu Đ mang họ mẹ là

không có căn cứ, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, việc chăm sóc, nuôi dưỡng con là nghĩa vụ chung của cha mẹ, người không trực tiếp nuôi dưỡng phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho con, xét thấy việc chị Y yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng 650.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Về phân chia tài sản chung:

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Y và anh T đều thừa nhận vợ chồng có tài sản chung là một sợi dây chuyền trọng lượng 02 chỉ vàng 18K do anh T đang cất giữ, nay chị Y yêu cầu chia đôi tài sản chung này, phía anh T cũng đồng ý. Do vậy, anh T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị Y 01 chỉ vàng 18K.

[5]. Về phân chia nợ chung:

Chị Trần Thị Hải Y và anh Nguyễn Quốc T đều thừa nhận hiện nay anh chị còn nợ chị Trần Thị Thùy D số tiền 10.000.000 đồng. Nay chị D có yêu cầu chị Y và anh T có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nêu trên là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005. Do vậy, chị Y và anh T mỗi người phải có trách nhiệm thanh toán cho chị D số tiền 5.000.000 theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn:

Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Xét thấy, đề nghị nêu trên của vị Kiểm sát viên và vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và phù hợp với quy định của pháp luật, nên HĐXX chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Trần Thị Hải Y phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, án phí về tài sản chung được phân chia là 300.000 đồng và án phí đối với yêu cầu của chị D được chấp nhận là 300.000 đồng, tổng cộng tiền án phí là 900.000 đồng.

- Anh Nguyễn Quốc T phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, án phí về tài sản chung được phân chia là 300.000 đồng và án phí đối với yêu cầu của chị D được chấp nhận là 300.000 đồng, tổng cộng tiền án phí là 900.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 59, khoản 1 và khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 6 Điều 26; điểm a, b khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hải Y được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 04/4/2017 cho chị Trần Thị Hải Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng 650.000 đồng (*sáu trăm năm mươi ngàn đồng*), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án 19/10/2017 đến khi cháu Đ đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh T, không ai được quyền ngăn cản anh thực hiện hợp pháp quyền này.

3. Về phân chia tài sản chung: Chị Trần Thị Hải Y và anh Nguyễn Quốc T mỗi người được chia 01 (*một*) chỉ vàng 18K, anh T đang giữ số vàng này nên có trách nhiệm giao lại cho chị Y 01 (*một*) chỉ vàng 18K.

4. Về phân chia nợ chung: Buộc chị Trần Thị Hải Y và anh Nguyễn Quốc T mỗi người phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Trần Thị Thùy D số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*).

Để đảm bảo quyền lợi của chị Trần Thị Thùy D khi thi hành án, kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên, phía chị Y, anh T còn phải chịu tiền lãi do chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

5. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

6.Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị Hải Y phải chịu án phí với số tiền 900.000đ (*chín trăm ngàn đồng*), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 450.000đ (*bốn trăm năm mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0004673 ngày 02/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, chị Y có nghĩa vụ nộp thêm số tiền 450.000đ (*bốn trăm năm mươi ngàn đồng*).

Anh Nguyễn Quốc T phải chịu án phí với số tiền 900.000đ (*chín trăm ngàn đồng*), anh T có nghĩa vụ nộp số tiền này.

Chị Trần Thị Thùy D không phải chịu án phí. Hoàn trả cho chị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0007999 ngày 11/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
-VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng NVKT-THA TAND tỉnh ST;
- UBND xã LĐ, huyện LP;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Quang Nhuận